

Số: 129/QĐ-TTYT

Thuận Bắc, ngày 7 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch y tế năm 2020

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THUẬN BẮC

Căn cứ quyết định số 4592/QĐ-SYT ngày 23 tháng 12 năm 2018 của Sở Y tế Ninh Thuận về quy định vị trí chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc trực thuộc Sở Y tế Ninh Thuận;

Căn cứ quyết định số 296/QĐ-SYT ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Sở Y tế Ninh Thuận về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Kế hoạch số 127/KH-TTYT ngày 17/02/2020 của Trung tâm Y tế Thuận Bắc V/v Triển khai nhiệm vụ năm 2020;

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch Nghiệp vụ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 cho các Khoa, Phòng, Trạm Y tế trực thuộc Trung tâm Y tế Thuận Bắc (có bảng chỉ tiêu kế hoạch cụ thể kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao các Trưởng khoa, phòng, Trạm y tế tiến hành tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, động viên toàn thể cán bộ, viên chức trong khoa, phòng thi đua nhằm phấn đấu hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch Nghiệp vụ, Tài chính - Kế toán, Tổ chức- Hành chánh và các Trưởng Khoa, Phòng, Trạm y tế chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *[chữ ký]*

- Như điều 3;
- BGD;
- Lưu :VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Định

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH Y TẾ NĂM 2020

(Kèm theo quyết định số 129 /QĐ-TTYT ngày 18 tháng 02 năm 2020 của TTYT Thuận Bắc)

I. Y TẾ XÃ:

1. Dự phòng:

Phấn đấu đạt từ 90 –100% chỉ tiêu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia.

Theo dõi, giám sát, khống chế không để dịch bùng phát và báo cáo theo đúng quy định về công tác phòng chống dịch.

Thực hiện đúng phân cấp về công tác quản lý VSATTP.

Tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương đưa phong trào VSMT vào chương trình hành động đề xã hội hóa công tác này.

Làm tốt công tác truyền thông giáo dục sức khỏe bằng các hình thức có được để nâng cao nhận thức của người dân.

Tiếp tục duy trì và phát triển mạng lưới CTV ở địa phương bằng kinh phí hỗ trợ của các chương trình để thực hiện tốt các chỉ tiêu y tế địa phương.

Duy trì xã đạt chuẩn quốc gia y tế.

Các trạm y tế thực hiện quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân, sức khỏe người cao tuổi,... trên phần mềm theo Quyết định 6111/QĐ-BYT, đảm bảo quản lý 50% hồ sơ sức khỏe cá nhân trên địa bàn quản lý. Quản lý và cập nhật đầy đủ các phần mềm như: quản lý y tế cơ sở, tiêm chủng mở rộng, VNPT-His.

2. Điều trị:

Điều trị lưu trú: Các trạm y tế thu dung bệnh nhân điều trị lưu trú, thực hiện làm hồ sơ bệnh án theo đúng quy chế theo chỉ tiêu sau:

STT	Tên trạm	Chỉ tiêu bệnh án nội trú/năm	Chỉ tiêu để/năm	Ghi chú
1	Trạm Y tế Bắc Sơn	24	12	
2	Trạm Y tế Bắc Phong	24	04	
3	Trạm Y tế Công Hải	24	12	
4	Trạm Y tế Phước Kháng	24	12	
5	Trạm Y tế Phước Chiến	24	12	

II. HỆ DỰ PHÒNG

Stt	Chỉ số	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Chịu trách nhiệm	Phối hợp
I	Kiểm soát dịch bệnh				
1	Kiểm soát Sốt xuất huyết			KSBT& HIV/AIDS	TYT
	Số người mắc sốt xuất huyết/ 100.000 dân	lượt	<97		
	Không chế tỷ lệ chết/mắc do Sốt xuất huyết	%	<0,08		
2	Kiểm soát Sốt rét tại các vùng trọng điểm		Tại xã Phước Chiên	KSBT& HIV/AIDS	TYT
	Số người mắc	lượt	4		
	Số người tử vong	người	0		
	Số vụ dịch sốt rét		0		
	Số lam máu xét nghiệm sốt rét	lam	5.000		
	Dân số được bảo vệ sốt rét bằng hóa chất	người	9.100		
II	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em				
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ 8 bệnh	%	95	KSBT& HIV/AIDS	TYT
2	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai	%	95	CSSKSS	TYT
3	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai đủ 3 lần/3 kỳ	%	88	CSSKSS	TYT
4	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai đủ 4 lần/3 kỳ	%	75	CSSKSS	TYT
5	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	%	98,5	CSSKSS	TYT
6	Tỷ lệ phụ nữ sinh tại cơ sở y tế	%	95	CSSKSS	TYT
7	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh	%	92	CSSKSS	TYT
8	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được tiêm UV đủ liều	%	92	KSBT& HIV/AIDS	CSSKSS, TYT
9	Số phụ nữ trong độ tuổi 15-49 mới áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại	cặp	3.611	CSSKSS	TYT
10	Mức giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng (cân nặng/ tuổi) ở trẻ em < 5 tuổi	%	1,5	CSSKSS	TYT

Stt	Chỉ số	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Chịu trách nhiệm	Phối hợp
11	Mức giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng (chiều cao/ tuổi) ở trẻ em < 5 tuổi	%	0,4	CSSKSS	TYT
III	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình				
1	Mức giảm tỷ lệ sinh	%	≥0,4	Dân số	TYT
2	Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên	%	<19,9	Dân số	TYT
3	Tăng tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ	%	≥10	Dân số	TYT
IV	An toàn thực phẩm (ATTP)				
	Số người bị ngộ độc thực phẩm cấp tính trong năm trên 100.000 dân	ca	<7	ATTP-DD	TYT
V	Phòng chống Lao				
	Số lam xét nghiệm phát hiện lao	lam	876	KSBT& HIV/AIDS	TYT
VI	Bảo hiểm y tế (BHYT)				
	Tỷ lệ bao phủ BHYT/dân số	%	97		
VI	Số xã phường mới được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế	xã, phường	/		
VIII	Đánh giá chất lượng bệnh viện theo Bộ tiêu chí chất lượng của Bộ Y tế	điểm	3,3	KHNV	Khoa, phòng

CHỈ TIÊU CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI NĂM 2020

Đơn vị tính: người

STT	Chỉ tiêu các biện pháp tránh thai		Huyện Thuận Bắc	Chịu trách nhiệm	Phối hợp
1	Dụng cụ tử cung	- Miễn phí	130	Khoa CSSKSS	Phòng Dân số, TYT
		- Tiếp thị xã hội, xã hội hóa, kênh khác	15		
		<i>Cộng</i>	145		
2	Thuốc cấy tránh thai	- Miễn phí	68	Khoa CSSKSS	Phòng Dân số, TYT
		- Tiếp thị xã hội, xã hội hóa, kênh khác	5		
		<i>Cộng</i>	73		
3	Thuốc Tiêm tránh thai	- Miễn phí	221	Khoa CSSKSS	Phòng Dân số, TYT
		- Tiếp thị xã hội, xã hội hóa, kênh khác	120		
		<i>Cộng</i>	341		
4	Viên uống tránh thai	- Miễn phí	1.870	Khoa CSSKSS	Phòng Dân số, TYT
		- Tiếp thị xã hội, xã hội hóa, kênh khác	342		
		<i>Cộng</i>	2.212		
5	Bao cao su	- Miễn phí	290	Khoa CSSKSS	Phòng Dân số, TYT
		- Tiếp thị xã hội, xã hội hóa, kênh khác	550		
		<i>Cộng</i>	840		
		Tổng số	3.611		

CHỈ TIÊU SÀNG LỌC TRƯỚC SINH VÀ SỐ SINH NĂM 2020

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu của nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ											
	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh/ tổng số phụ nữ khám thai tại đơn vị (%)			Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc sơ sinh/ tổng số trẻ sinh ra còn sống tại đơn vị (%)								
	KH 2019	TH 2019	KH 2020	KH 2019	TH 2019	KH 2020						
Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	30	/	30	50	/	50	169	14	115	60	20	44

Khoa CSSKSS phối hợp phòng Dân số, trạm y tế

III. HỆ ĐIỀU TRỊ :

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	PHÂN RA				
			KHOA NỘI TỔNG HỢP - TRUYỀN NHIỄM	KHOA NHI	KHOA YDCT - PHCN	KHOA NGOẠI - LCK	KHOA CSSKSS
01	Số giường bệnh	Giường (50 giường)	20	17	08	03	02
02	Công suất sử dụng giường bệnh (%)	%	> 75	> 75	> 75	> 75	> 75

